

## BÀI 6. ĐO KHỐI LƯỢNG

**6.1.** Hãy đổi những khối lượng sau đây ra đơn vị kilôgam (kg).

650 g = ... kg;

2,4 tạ = ... kg;

3,07 tấn = ... kg;

12 yến = ... kg;

12 lạng = ... kg.

**6.2.** Chọn đơn vị đo thích hợp cho mỗi chỗ trống trong các câu sau:

1. Khối lượng của một học sinh lớp 6 là 45 ...

2. Khối lượng của chiếc xe đạp là 0,20 ...

3. Khối lượng của chiếc xe tải là 5 ...

4. Khối lượng của viên thuốc cảm là 2 ...

5. Khối lượng của cuốn SGK KHTN 6 là 1,5 ...

**6.3.** Hãy tìm đúng tên cho mỗi loại cân trong Hình 6.1 a, b, c, d.



Hình 6.1

**6.4.** Một hộp quả cân Roberval (Hình 6.2) gồm các quả cân có khối lượng 1 g, 2 g, 5 g, 10 g, 20 g, 50 g, 100 g, 200 g. Hãy xác định GHĐ và ĐCNN của cân.



Hình 6.2

**6.5.** Có 6 viên bi được sơn màu, bề ngoài giống hệt nhau, trong đó có một viên bi bằng sắt và 5 viên bi còn lại bằng chì. Biết viên bi bằng chì nặng hơn viên bi bằng sắt.

Với chiếc cân Roberval, em hãy nêu phương án chỉ dùng nhiều nhất hai lần cân để tìm ra viên bi bằng sắt.

**6.6\*.** Hãy thiết kế một phương án dùng cân đĩa có cấu tạo tương tự như cân Roberval và một quả cân loại 4 kg (Hình 6.3) để chia túi gạo 10 kg thành 10 túi có khối lượng bằng nhau.



Hình 6.3